TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2023
"V/v bà Nh xin ly hôn với ông Ph"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Việnkiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm A, xã Th L, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Có mặt).

*2. Bị đơn:*Ông Phùng Văn Ph, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Dư Duệ, xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt,không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20-6-2023; bản tự khai ngày 29-6-2023và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị Nh trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phùng Văn Ph tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 26-01-2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn bà và ông Ph chung sống hòa thuận hạnh phúc với

nhau được đến tháng 6-2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình của vợ chồng không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát, cãi chửi nhau; ngoài ra còn do nghề nghiệp của bà là giáo viên mầm noncủa xã Th L, đi làm thì xa và phải trông nom các cháu đến muộn mới được về, phương tiện đi lạithì không có, khi tan làm bà phải đạp xe đạp từ xã Th L về xã T Th nhưng ông Ph không những không động viên, giúp đỡ bà mà lại còn thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới bà về việc bà đi làm về muộn và đuổi bà ra khỏi nhà. Khi đó bà đang mang thai nên bà phải đi về nhà chị gái của bà ở xóm A, xã Th L, huyện V, tỉnh NamĐịnh để ở nhờ và sinh con. Từ khi bà mang thai đến khi bà sinh con thì ông Ph cũng không có quan tâm gì đến bà, bà phải sinh con và nuôi con một mình và đến khi hết thời gian được nghỉ thai sản theo chế độ thì bà phải nhờ chị gái giúp đỡ trông nom con để đi làm nhưng không may số phận của bà nó vất vả và ngày 21-9-2013 âm lịch con của bà đã bị đuối nước và bị tử vong. Bà và ông Ph đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau suốt từ tháng 6-2011 cho đến nay. Từ khi bà và ông Ph sống ly thân với nhau cho đến nay thì bà và ông Ph không có liên lạc gì với nhau, mỗi người ở một nơi, việc aingười đó làm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông Ph đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống chung giữa bà và ông Ph không có hạnh phúc nên mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác thì thời gian bà và ông Ph sống ly thân với nhau đã quá lâu nên bà và ông Ph không thể đoàn tụ để chung sống cùng với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 01 con chung là cháu Bùi Thị Minh Tr, sinh ngày 09-02-2012. Nhưng khi đăng ký khai sinh cho cháu Tr thì bà đã lấy họ Bùi của bà để khai sinh cho cháu Tr và trong mục họ tên người cha trong giấy khai sinh của cháu Tr thì bà đã để trống, bà không có ghi tên ông Phùng Văn Ph vào trong mục họ tên người cha. Nhưng ngày21-9-2013 âm lịch thì cháu Tr đã bị tử vong do tai nạn đuối nước. Vì vậy bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung của bà và ông Ph.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Bà và ông Ph không có khoản nào. Vì vậy bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Phùng Văn Ph,trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện V đã rất nhiều lần phối hợp với đại diện cho chính quyền xã T Th đến tận nhà ở của ông Ph ở thôn Dư Duệ, xã T Th để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật cho ông Ph để yêu cầu ông Ph đến trụ sở Tòa án viết bản tự khai và tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng lần nào đến nhà thì ông Ph cũng đều trong tình trạng say rượu nằm ngủ ở trong nhà, cổng, cửa thì khóa, gọi thì ông Ph không nghe, không dậy nên không có lần nào tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông Ph được mà tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho ông Ph đều phải niêm yết tại trụ cổng nhà ở của ông Ph và tại trụ sở UBND xã T Th nhưng mà ông Ph đều vắng mặt, không

đến Tòa án làm việc lần nào và ông Ph cũng không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì và cũng không có ý kiến hoặc quan điểm gì bằng văn bản về việc giải quyết vụ án.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 20-7-2023, đại diện chính quyền xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân của các đương sự: Bà Bùi Thị Nhvà ông Phùng Văn Ph là vợ chồng hợp pháp. Bà Nh và ông Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 26-01-2010 và UBND xã T Th đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho bà Nh và ông Ph theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi bà Nh và ông Ph kết hôn với nhau thì bà Nh và ông Ph sinh sống tại thôn Dư Duệ, xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định.

Về sự mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của các đương sự: Về sự mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà Nh và ông Ph cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm bắt được cụ thể. Nhưng qua sự báo cáo của bà Nh thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà Nh và ông Ph chủ yếu là do tính cách của bà Nh và ông Ph không hợp nhau và ông Ph thường xuyên uống rượu sayrồi chửi, đuổi bà Nh từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường hay xảy ra xô xátvới nhau. Khoảng tháng 6-2011, địa phương thấy bà Nh đã bỏ về nhà chị gái của bà Nh ở xóm A, xã Th L, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống và bà Nh với ông Ph đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau suốt từ tháng 6-2011 cho đến nay. Suốt từ tháng 6-2011 cho đến nay địa phương không thấy bà Nh quay trở về địa phương sinh sống cùng với ông Ph lần nào. Nay bà Nh xin ly hôn với ông Ph, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và nguyện vọng của các bên đương sự để xem xét, giải quyết.

Về con chung của các đương sự: Theo sự báo cáo của bà Nh thì trước khi bà Nh bỏ về nhà chị gái ở xã Th L sinh sống thì bà Nh có mang thai với ông Ph và đến ngày 09-02-2012 thì bà Nh đã hạ sinh được một người con gái và bà Nh đã lấy họ của bà Nh để đăng ký khai sinh cho convới họ tên là Bùi Thị Minh Tr. Nhưng đến năm 2013 thì cháu Tr đã bị tai nạn đuối nước và đã bị tử vong.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan của các đương sự: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên địa phương không có ý kiến gì.

Về nơi ĐKHKTT và nơi cư trú của các đương sự: Ông Ph có ĐKHKTT và cư trú ở thôn Dư Duệ, xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định. Còn bà Nh thì từ khi kết hôn với ông Ph cho đến nay, bà Nh chưa có chuyển khẩu về xã T Th lần nào. Qua tra cứu dữ liệu dân cư thì thấy bà Nh vẫn ĐKHKTT ở xóm A, xã Th L, huyện V, tỉnh Nam Định. Từ khi Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án cho đến nay thì ông Ph vẫn thường xuyên sinh sống và thường xuyên có mặt ở nơi cư trú tại thôn Dư Duệ, xã T Th.

Về việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn: Từ khi Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án cho đến nay thì Tòa án đã nhiều lần yêu cầu

UBND xã T Th phối kết hợp cùng với Tòa án để giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Ph và cứ khi nào UBND xã T Th nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gửi về hoặc là của cán bộ Tòa án đem xuống thì UBND xã T Th đều đã cử ông Ngô Văn Toàn là Công an viên của xã phối hợp cùng với bà Trần Thị Thanh Thảo là Thẩm tra viên của Tòa án đến tận nhà ở của ông Ph ở thôn Dư Duệ để giao cho ông Ph. Nhưng cứ lần nào đến nhà thì ông Ph cũng đều trong trình trạng say rượu nằm ngủ ở trong nhà, cổng, cửa thì khóa, gọi thì ông Ph không nghe và không dậynên không có lần nào giao trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Ph được. Vì vậy, đại diện Tòa án và đại diện UBND xã T Th đều phải tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án ngay tại trụ cổng nhà của ông Ph và tại trụ sở UBND xã T Th. Trường hợp nếu Tòa án có tiếp tục giao văn bản tố tụng gì nữa cho ông Ph thì địa phương đề nghị Tòa án cứ tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, vì lý do ông Ph khóa cổng, khóa cửa suốt cả ngày và ông Ph thường xuyên say rượu nên không thể gọi ông Ph dậy để giao trực tiếp cho ông Ph được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự.

Về các yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Nh:

Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph.

Về con chung: Bà Nh và ông Ph có 01 con chung là cháu Bùi Thị Minh Tr, sinh ngày 09-02-2012. Nhưng cháu Tr đã bị tử vong vào năm 2013 vì tai nạn đuối nước. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Nh phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án thì ông Phùng Văn Ph là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tạithôn Dư Duệ, xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã rất nhiều lần triệu tập hợp lệ và thông báo hợp lệ ông Phùng Văn Ph là bị đơn trong vụ án đến trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông Ph đều vắng mặt, không đến Tòa án làm viêc lần nào. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Ph lần thứ hai nhưng ông Ph vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 26-01-2010và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định và Uỷ ban nhân dân xã T Th, huyện V, tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Nh và ông Ph theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà Nh và ông Ph đã thỏa mãn đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó hôn nhân của bà Nh và ông Ph là hôn nhân hợp pháp. Nên được pháp luật bảo vệ.

[4.2]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph kết hôn vớinhau thì bà Nh và ông Ph đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 01 năm, sau đó đến khoảng tháng 06-2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình giữa bà Nh và ông Ph không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống; ngoài ra còn do nghề nghiệp của bà Nh là Giáo viên mầm non, đi làm thì xa nhà và bà Nh phải trông nom các cháu đến muộn mới được về cộng với lại phương tiện đi lại không có, khi tan làm thì bà Nh phải đạp xe đạp từ xã Th L về xã T Th nhưng ông Ph không có động viên, giúp đỡ gì bà Nh mà lại còn thường xuyên chửi bới bà Nh về việc bà Nh đi làm về muộn và đuổi bà ra khỏi nhà từ đó dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Chính vì vậy mà khi đó mặc dù bà Nh đang có mang thai nhưng bà Nh đã phải bỏ về nhà chị gái của bà Nh ở xóm A, xã Th L, huyện V, tỉnh NamĐịnh để ở nhờ và sinh con và từ khimà bà Nh mang thai cho đến khi bà sinh con thì ông Ph cũng khôngcó quan tâm, không có trách nhiệm gì với bà Nh và con. Do đó bà Nh và ông Ph đã phải sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như mọi quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ khoảng tháng 06-2011 cho đến nay. Xét hôn nhân của bà Nh và ông Ph hiện nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng theo quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 và 23 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng; mặt khác còn thấy đời sống chung giữa bà Nh và ông Ph cũng không còn tồn

tại từ rất nhiều năm nay. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậyđời sống chung giữa bà Nh và ông Ph không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy việc bà Nh xin ly hôn với ông Ph là hoàn toàn có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh, xử ly hôn giữa bà Nh và ông Ph là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nh và ông Ph hiện nay.

[4.3]. Về con chung: Xét bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph có 01 con chung là cháu Bùi Thị Minh Tr, sinh ngày 09-02-2012. Nhưng khi đăng ký khai sinh cho con thì bà Nh đã lấy họ của bà Nh để làm giấy khai sinh cho con với họ, tên của con là Bùi Thị Minh Tr và trong mục họ, tên người cha trong giấy khai sinh của con thì bà Nh đã để trống, không có ghi họ, tên của ông Ph vào. Tuy nhiên đến năm 2013 thì cháu Trang đã bị tử vong do tai nạn đuối nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung của bà Nh và ông Ph.

[4.4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Bà Bùi Thị Nh xác định bà và ông Ph không có khoản nào và bà Nh cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; ngoài ra thì cho đến nay phía ông Ph cũng không có bất cứ ý kiến hoặc quan điểm hay yêu cầu, đề nghị gì về những nội dung này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Nh phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Bùi Thị Nh và ông Phùng Văn Ph.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Nh phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Bùi Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001680 ngày 29-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phùng Văn Ph được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã T Th;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân